

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

Số: 25/2024/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tiền Giang, ngày 09 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân

sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng;

Xét Tờ trình số 431/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Báo cáo thẩm tra số 506/BC-HĐND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khóa X, Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.
2. Nghị quyết này bãi bỏ Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, KH&ĐT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán nhà nước Khu vực IX;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đ/c Ủy viên BTV Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy; ĐĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- TT HĐND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH



Châu Thị Mỹ Phương



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tiền Giang
(Kèm theo Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, bao gồm:

a) Thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 và điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng.

b) Thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

c) Thẩm quyền mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với dự toán mua sắm thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (được bổ sung tại khoản 1 Điều 67 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP).

2. Nghị quyết này không quy định thẩm quyền quyết định

a) Việc mua sắm thuốc.

b) Việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với nguồn kinh phí khoa

học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tiền Giang; việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước. Việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

c) Các quy định khác quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) và khoản 2 Điều 1 Nghị định số 138/2024/NĐ-CP.

d) Tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan của Đảng, cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang Nhân dân thuộc tỉnh và thuộc huyện quản lý; đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến sử dụng kinh phí để mua sắm tài sản, trang thiết bị và hàng hóa, dịch vụ; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ; tài sản khác gắn liền với đất thuộc: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

b) Quyền sử dụng đất thuộc: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

c) Xe ô tô, phương tiện vận tải khác;

d) Quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu;

đ) Vật tiêu hao: nguyên nhiên liệu, sinh phẩm, vật tư, vật liệu, văn phòng phẩm và các vật khác khi đã qua một lần sử dụng thì mất đi hoặc không giữ được tính chất, hình dáng và tính năng sử dụng ban đầu;

e) Tài sản khác theo quy định của pháp luật.

2. Hàng hóa gồm: phụ tùng, sản phẩm, hàng tiêu dùng, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, phần mềm thương mại và các loại hàng hóa theo quy định của pháp luật.

3. Dịch vụ bao gồm dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn theo quy định tại Điều 4 Luật Đấu thầu.

4. Nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị là nhiệm vụ không có cấu phần xây dựng, bao gồm mua sắm để bổ sung, thay mới, hoặc sửa chữa, nâng cấp máy móc, trang thiết bị làm việc để phục vụ hoạt động thường xuyên, công tác quản lý hoặc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định khác có liên quan.

5. Nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng là nhiệm vụ có cấu phần xây dựng, bao gồm cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các hạng mục công trình xây dựng, trụ sở làm việc và các cơ sở vật chất đã có của các cơ quan, đơn vị nhằm đảm bảo phục vụ hoạt động thường xuyên, công tác quản lý hoặc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định khác có liên quan, bao gồm cả phần mua tài sản, trang thiết bị gắn với công trình xây dựng.

6. Cơ quan quản lý cấp trên gồm Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan có thẩm quyền, hoặc cơ quan, đơn vị dự toán cấp I được Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách.

Điều 4. Nguồn kinh phí mua sắm

Nguồn kinh phí mua sắm thuộc ngân sách Nhà nước đã được cấp có thẩm quyền giao dự toán hàng năm cho cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả nguồn bổ sung trong năm); nguồn tài chính hợp pháp khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Chương II

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT NHIỆM VỤ VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỂ THỰC HIỆN MUA SẮM TÀI SẢN, TRANG THIẾT BỊ; CẢI TẠO, NÂNG CẤP, MỞ RỘNG, XÂY DỰNG MỚI HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH TRONG CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 5. Thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt đối với:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

b) Xe ô tô.

c) Tài sản khác còn lại và trang thiết bị có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên đối các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (bao gồm cả cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh mua sắm từ nguồn ngân sách cấp tỉnh) quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị có dự toán dưới 01 tỷ đồng của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và từ trên 200

triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị có dự toán từ trên 200 triệu đồng trở lên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện (bao gồm cả cơ quan, đơn vị Trung ương; cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh đóng trên địa bàn huyện mua sắm từ ngân sách cấp huyện) và các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán các cấp thuộc các sở, ban, ngành tỉnh; thuộc cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí mua sắm tài sản và trang thiết bị có dự toán không quá 200 triệu đồng.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Đối với cấp tỉnh

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí để thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng có giá dự toán từ 1 tỷ đồng trở lên cho các cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc cấp tỉnh.

b) Các sở, ban, ngành tỉnh quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí để thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng có giá dự toán dưới 1 tỷ đồng cho đơn vị mình và trên 200 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc phạm vi quản lý.

c) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán các cấp thuộc sở, ban, ngành tỉnh quản lý quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí để thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng có giá trị không quá 200 triệu đồng.

2. Đối với cấp huyện, cấp xã

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí để thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý và Ủy ban nhân dân cấp xã có giá dự toán từ trên 200 triệu đồng trở lên.

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán các cấp thuộc cấp huyện và cấp xã quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí để thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng có giá trị không quá 200 triệu đồng.

Chương III
THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG
TÀI SẢN CÔNG VÀ MUA SẮM HÀNG HÓA, DỊCH VỤ TẠI
CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 7. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, hàng hóa, dịch vụ tại cơ quan nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm đối với:

a) Trụ sở làm việc.

b) Xe ô tô.

c) Tài sản khác còn lại và hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên trên gói thầu, nội dung mua sắm.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh (bao gồm cả cơ quan nhà nước, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh mua sắm từ nguồn ngân sách cấp tỉnh) quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có giá trị dưới 01 tỷ đồng trên 01 gói thầu, nội dung mua sắm của mình và trên 200 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng trên 01 gói thầu, nội dung mua sắm của các cơ quan nhà nước trực thuộc quản lý trong phạm vi dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền giao.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có giá trị trên 200 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng trên 01 gói thầu, nội dung mua sắm của các phòng ban thuộc cấp huyện và các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý.

4. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước là đơn vị dự toán các cấp thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan nhà nước là đơn vị dự toán các cấp thuộc cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản và hàng hóa, dịch vụ có giá trị không quá 200 triệu đồng trên 01 gói thầu, nội dung mua sắm trong phạm vi dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền giao.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc và tài sản khác phục vụ hoạt động tại cơ quan nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Quyết định việc thuê trụ sở làm việc (trừ quy định tại điểm a khoản 3 Điều này).

b) Quyết định việc thuê tài sản khác đối với tài sản có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) từ 500 triệu đồng trở lên.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định việc thuê tài sản có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) dưới 500 triệu đồng cho đơn vị mình và từ trên 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng cho các cơ quan nhà nước trực thuộc quản lý trong phạm vi dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền giao.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Quyết định việc thuê trụ sở làm việc của các phòng, ban thuộc cấp huyện quản lý và Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Quyết định việc thuê tài sản khác đối với tài sản có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) trên 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng của các phòng ban thuộc cấp huyện quản lý và Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước là đơn vị dự toán các cấp thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan nhà nước là đơn vị dự toán các cấp thuộc cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc thuê tài sản có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) không quá 200 triệu đồng trong phạm vi dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền giao.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan nhà nước

1. Danh mục tài sản công được khai thác

Theo quy định tại khoản 1 Điều 10b của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ (được bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

2. Thẩm quyền quyết định khai thác

a) Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định khai thác đối với các tài sản công do cơ quan mình và các cơ quan trực thuộc quản lý, sử dụng.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khai thác đối với các tài sản công do các phòng, ban thuộc cấp huyện quản lý và Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, sử dụng.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công tại cơ quan nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Quyết định thu hồi tài sản công của các sở, ban, ngành cấp tỉnh theo đề nghị của các sở, ban, ngành cấp tỉnh được giao quản lý, sử dụng tài sản công hoặc cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan quản lý nhà nước khác.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Quyết định thu hồi tài sản công của các phòng, ban thuộc cấp huyện theo đề nghị của các phòng, ban cấp huyện được giao quản lý, sử dụng tài sản công hoặc cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan quản lý nhà nước khác.

b) Quyết định thu hồi tài sản công của Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Quyết định thu hồi tài sản công theo đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan quản lý nhà nước khác.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công tại cơ quan nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển

a) Trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp.

b) Xe ô tô.

c) Các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản.

d) Tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã; giữa các huyện, thị xã, thành phố.

2. Thủ trưởng sở, ban, ngành cấp tỉnh

Quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

Quyết định điều chuyển tài sản công giữa các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp thuộc cấp huyện quản lý; giữa các phòng, ban thuộc cấp huyện quản lý với Ủy ban nhân dân cấp xã; giữa Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định bán, thanh lý tài sản công tại cơ quan nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán, thanh lý đối với tài sản công là tài sản cố định, cụ thể:

a) Trụ sở làm việc (trừ việc thanh lý quy định tại khoản 4 Điều này);

b) Xe ô tô.

c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh quyết định bán, thanh lý tài sản công là tài sản cố định của:

a) Cơ quan mình quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản.

b) Chi cục và cơ quan trực thuộc các sở, ban, ngành quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán từ trên 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng Chi cục và cơ quan trực thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định bán, thanh lý tài sản công là tài sản cố định của mình quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán không quá 200 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Quyết định bán, thanh lý tài sản công của các phòng, ban trực thuộc cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý đối với các tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán trên 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản.

b) Đối với việc thanh lý tài sản công là trụ sở làm việc của các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý. Trường hợp tài sản công chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng không thể sửa chữa được, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý sau khi có ý kiến bằng văn bản của cơ quan chuyên môn về xây dựng (Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện) hoặc văn bản thẩm định của đơn vị tư vấn có chức năng thẩm định về tình trạng tài sản và khả năng sửa chữa theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 29 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

5. Thủ trưởng các phòng, ban thuộc cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán, thanh lý tài sản công là tài sản cố định do mình quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán không quá 200 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản.

6. Người đứng đầu cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định bán, thanh lý đối với tài sản công không phải là tài sản cố định.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định điều chuyển, bán vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định điều chuyển vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển quyết định điều chuyển vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã; giữa các huyện, thị xã, thành phố.

b) Thủ trưởng sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định điều chuyển vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công giữa các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý; giữa các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý với Ủy ban nhân dân cấp xã; giữa Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Thẩm quyền quyết định bán vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công

Thủ trưởng cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định bán vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc tại cơ quan nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện quản lý.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công là tài sản cố định, cụ thể:

a) Trụ sở làm việc.

b) Xe ô tô.

c) Các tài sản công khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định tiêu hủy; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công là:

a) Tài sản cố định của cơ quan mình quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản.

b) Tài sản cố định của Chi cục và cơ quan nhà nước trực thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán từ trên 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng Chi cục và cơ quan nhà nước trực thuộc các sở, ban ngành cấp tỉnh quyết định tiêu hủy; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản cố định của cơ quan mình quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán không quá 200 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản cố định của các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán từ trên 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản.

5. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu hủy; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản cố định của cơ quan mình quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán không quá 200 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản.

6. Người đứng đầu cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định tiêu hủy; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công không phải là tài sản cố định.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG VÀ MUA SẮM HÀNG HÓA, DỊCH VỤ TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 16. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công, hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm đối với cơ sở hoạt động sự nghiệp và xe ô tô.

b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị.

2. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo một phần kinh phí và các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm đối với:

- Cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô.

- Tài sản khác còn lại và hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên trên gói thầu, nội dung mua sắm.

b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có giá trị dưới 01 tỷ đồng trên 01 gói thầu, nội dung mua sắm của mình và trên 200 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng trên 01 gói thầu, nội dung mua sắm của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc quản lý trong phạm vi dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng.

c) Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có giá trị trên 200 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng trên 01 gói thầu, nội dung mua sắm cho các đơn vị trực thuộc phạm vi quản lý trong phạm vi dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng.

d) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Chi cục và Ủy ban nhân dân cấp huyện: quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có giá trị không quá 200 triệu đồng trên 01 gói thầu, nội dung mua sắm trong phạm vi dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng.

Điều 17. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo một phần kinh phí và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Quyết định việc thuê cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.

b) Quyết định việc thuê tài sản khác đối với tài sản có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) từ 500 triệu đồng trở lên.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thuê tài sản có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) dưới 500 triệu đồng cho đơn vị mình và từ trên 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng cho các đơn vị trực thuộc mình quản lý từ nguồn kinh phí được phép sử dụng.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thuê tài sản có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) trên 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng cho các đơn vị trực thuộc phạm vi quản lý từ nguồn kinh phí được phép sử dụng.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Chi cục và Ủy ban nhân dân cấp huyện: Quyết định việc thuê tài sản đối với tài sản có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) không quá 200 triệu đồng cho các đơn vị trực thuộc mình quản lý từ nguồn kinh phí được phép sử dụng.

Điều 18. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo một phần kinh phí và các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí

1. Danh mục tài sản công được khai thác

Theo quy định tại khoản 1 Điều 41c của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

2. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công thực hiện như sau:

a) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khai thác tài sản công do đơn vị mình và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc quản lý, sử dụng.

b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chi cục, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khai thác đối với các tài sản công do đơn vị mình quản lý, sử dụng.

Điều 19. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Quyết định thu hồi tài sản công của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo đề nghị của người đứng đầu đơn vị hoặc cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan quản lý nhà nước khác.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

Quyết định thu hồi tài sản công của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo đề nghị của người đứng đầu đơn vị hoặc cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan quản lý nhà nước khác.

3. Chi cục trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh quyết định thu hồi tài sản công của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Chi cục theo đề nghị của người đứng đầu đơn vị hoặc cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan quản lý nhà nước khác.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo đề nghị của người đứng đầu đơn vị hoặc cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan quản lý nhà nước khác.

Điều 20. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy định này.

Điều 21. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công

a) Cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.

b) Tài sản khác (trừ khoản 2 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên tính trên một đơn vị tài sản.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán tài sản được hình thành từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định (trừ bán tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô).

3. Trường hợp tài sản hình thành có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định bán tài sản thực hiện như sau:

a) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản của đơn vị mình quản lý và tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ trên 200 triệu đến dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc;

b) Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản công là tài sản cố định của các đơn vị sự nghiệp

công lập thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán từ trên 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản.

c) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Chi cục và Ủy ban nhân dân cấp huyện: Quyết định bán tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá theo sổ kế toán không quá 200 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản.

d) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định bán tài sản công không phải là tài sản cố định.

Điều 22. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất (trừ quy định tại khoản 2 Điều này), xe ô tô và tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất thuộc cấp huyện. Trường hợp tài sản công chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng không thể sửa chữa được, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý sau khi có ý kiến bằng văn bản của cơ quan chuyên môn về xây dựng (Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế và hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện) hoặc văn bản thẩm định của đơn vị tư vấn có chức năng thẩm định về tình trạng tài sản và khả năng sửa chữa theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 29 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý đối với các tài sản khác còn lại.

Điều 23. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định

a) Tiêu hủy; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại là cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.

b) Tiêu hủy; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại là tài sản cố định (trừ khoản 2 Điều này) có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên tính trên một đơn vị tài sản.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định tiêu hủy; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản cố định được hình thành từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô).

3. Trường hợp tài sản cố định hình thành có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định tiêu hủy; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thực hiện như sau:

a) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với tài sản công là tài sản cố định của đơn vị mình có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản của đơn vị mình quản lý và tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ trên 200 triệu đến dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

b) Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với tài sản công là tài sản cố định của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán từ trên 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản.

c) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Chi cục và Ủy ban nhân dân cấp huyện: quyết định đối với tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá theo sổ kế toán không quá 200 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản.

d) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định đối với tài sản công không phải là tài sản cố định.

Chương V

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG VÀ MUA SẮM HÀNG HÓA DỊCH VỤ TẠI TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC XÃ HỘI, TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC KHÁC ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ HỘI

Điều 24. Thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại tổ chức chính trị - xã hội

1. Việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh được thực hiện như các sở, ban, ngành tỉnh; đối với tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện được thực hiện như các phòng, ban cấp huyện theo quy định tại Chương III của Quy định này.

2. Việc quản lý, sử dụng tài sản và mua sắm hàng hóa, dịch vụ công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh được thực hiện như đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh theo quy định tại Chương IV của Quy định này.

Điều 25. Thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội

Thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ; quyết định thuê trụ sở làm việc và tài sản khác; quyết định khai thác tài sản công, quyết định thu hồi tài sản công; quyết định điều chuyển tài sản công; quyết định bán, thanh lý tài sản công; quyết định tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại được thực hiện như các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh và cấp huyện quản lý theo quy định tại Chương III của Quy định này. Trường hợp là đơn vị sự nghiệp công lập thì thực hiện theo quy định tại Chương IV của Quy định này.

Chương VI

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG VÀ MUA SẮM HÀNG HÓA, DỊCH VỤ TẠI ĐƠN VỊ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN; VĂN PHÒNG HUYỆN ỦY, VĂN PHÒNG THỊ ỦY, VĂN PHÒNG THÀNH ỦY VÀ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN THUỘC ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ

Điều 26. Thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân

Thẩm quyền quyết định quản lý tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ từ nguồn ngân sách địa phương thực hiện theo quy định tại Chương III và Chương IV của Quy định này.

Điều 27. Thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại Văn phòng Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy

Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ; quyết định thuê trụ sở làm việc và tài sản khác; quyết định khai thác tài sản công, quyết định thu hồi tài sản công; quyết định điều chuyển tài sản công; quyết định bán, thanh lý tài sản công; quyết định tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tài sản công được thực hiện như các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý theo quy định tại Chương III của Quy định này.

Điều 28. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án thuộc địa phương quản lý

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án giao, điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

Điều 29. Thẩm quyền quyết định điều chuyển, bán vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình thực hiện dự án

Thẩm quyền quyết định điều chuyển, bán vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình thực hiện dự án thực hiện theo Điều 13 Quy định này.

Điều 30. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các nội dung về quản lý, sử dụng tài sản công đã được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh (Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND) nhưng đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành vẫn chưa hoàn thành việc thực hiện được tiếp tục thực hiện, không phải trình phê duyệt lại (trừ quy định tại Điều 11 của Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND).

2. Đối với các nội dung về quản lý, sử dụng tài sản công đã được phê duyệt theo quy định tại Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND nhưng sau khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành có nội dung cần thay đổi so với nội dung đã được phê duyệt thì việc trình phê duyệt lại hoặc phê duyệt điều chỉnh thực hiện theo thẩm quyền quy định tại Nghị quyết này./.